TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2022/KDTM - ST
Ngày: 29-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Trúc Ly

2. Ông Đặng Quang Nhã

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh, cán bộ Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 339/2020/KTST ngày 23 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5723 /2022/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5890 /2022/QĐST- KDTM ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh – Thương mại H

Địa chỉ: Số A đường Đ, Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Thanh P, sinh năm 1990 – Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 03/3/2020) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: Số C đường H, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Anh V, sinh năm 1980 (vắng mặt) – Là người đại diện theo pháp luật (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303796126)

Địa chỉ: Số G Tổ B, phường A, Quận Q, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2020, các bản tự khai và nội dung trình

bày tại các Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Phan Thanh P - người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 02/01/2019 Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh – Thương mại H (sau đây gọi là Công ty H) ký kết Hợp đồng mua bán với Công ty TNHH T (sau đây gọi là Công ty T), theo đó Công ty H sẽ bán hàng cho Công ty TNHH T khi có đơn đặt hàng và Công ty TNHH T được hưởng chiết khấu theo quy định của Hợp đồng, việc thanh toán công nợ sẽ được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng.

Hằng tháng, Công ty TNHH T đều thực hiện đặt hàng đối với Công ty H, Công ty H giao hàng và xuất hóa đơn cho Công ty TNHH T. Đối với công nợ của Công ty TNHH T thì hằng tháng vào những ngày đầu tháng, hai bên lập văn bản xác nhận đối chiếu công nợ với nhau.

Ngày 04/6/2019 Công ty TNHH T đã ký Biên bản xác nhận công nợ (do Ông V ký tên và đóng dấu Công ty) trong khoảng thời gian từ ngày 01/5/2019 đến ngày 31/5/2019 với nội dung sau:

Nợ đầu kỳ (nợ của tháng trước) là 569.220.000 đồng. Đối với các Biên bản xác nhận công nợ của các kỳ trước đã bị thất lạc nên không thể cung cấp cho Tòa đối chiếu.

Từ ngày 01/5/2019 đến ngày 31/5/2019, Công ty TNHH T đặt hàng với tổng giá trị là 215.960.000 đồng và đã thanh toán cho Công ty H số tiền 205.300.000 đồng. Số tiền nợ phát sinh trong tháng là 10.660.000 đồng.

Do vậy, tổng công nợ đến thời điểm ngày 31/5/2019 là : 569.220.000 đồng + 10.660.000 đồng = 579.880.000 đồng. Số công nợ này phù hợp với Biên bản xác nhận công nợ ngày 04/6/2019.

Ngày 03/7/2019 Công ty TNHH T đã ký Biên bản xác nhận công nợ (do Ông V ký tên và đóng dấu Công ty) trong khoảng thời gian từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/6/2019 với nội dung sau:

Nợ đầu kỳ (nợ của tháng trước) là 579.880.000 đồng.

Từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/6/2019, Công ty TNHH T đặt hàng với tổng giá trị là 79.600.000 đồng và đã thanh toán cho Công ty H số tiền 2.050.000 đồng. Số tiền nợ phát sinh trong tháng là 77.550.000 đồng

Do vậy, tổng công nợ đến thời điểm ngày 31/5/2019 là: 579.880.000 đồng + 77.550.000 đồng = 657.430.000 đồng. Số công nợ này phù hợp với Biên bản xác nhận công nợ ngày 03/7/2019.

Kể từ tháng 07/2019 Công ty H vẫn tiếp tục giao hàng cho Công ty TNHH T, Công ty TNHH T vẫn tiếp tục thanh toán cho Công ty H, tuy nhiên Công ty H được biết Ông Phạm Anh V bệnh nặng, nên không thể ký Biên bản xác nhận công nợ hằng tháng.

Ngày 04/11/2019 Công ty TNHH T xác nhận công nợ 1.024.230.000 đồng và có đóng dấu treo của Công ty TNHH T. Từ thời điểm tháng 11/2019 đến nay

Công ty H đã ngừng giao hàng cho Công ty TNHH T thanh toán công nợ nhưng không được.

Nay, tôi xin được giải trình số tiền công nợ phát sinh từ Biên bản xác nhận công nợ ngày 04/11/2019 là 1.024.230.000 đồng như sau:

Nợ đầu kỳ theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 03/7/2019 là 657.430.000 đồng.

Những đơn đặt hàng tiếp theo sau ngày 03/7/2019 là:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0007528 ngày 04/07/2019 trị giá 14.190.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0007704 ngày 08/07/2019 trị giá 15.675.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0007732 ngày 09/07/2019 trị giá 3.740.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0007998 ngày 12/07/2019 trị giá 2.640.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0008177 ngày 16/07/2019 trị giá 356.800.004 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0015200 ngày 18/10/2019 trị giá 20.660.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0015207 ngày 18/10/2019 trị giá 7.480.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0015494 ngày 22/10/2019 trị giá 24.900.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0015833 ngày 25/10/2019 trị giá 1.595.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0016017 ngày 28/10/2019 trị giá 1.870.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0016436 ngày 01/11/2019 trị giá 7.755.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0017560 ngày 15/11/2019 trị giá 17.000.000 đồng.

Tổng cộng số hàng hóa được đặt sau ngày 03/7/2019 là 474.305.000 đồng.

Như vậy, cộng với khoản nợ còn tồn đọng theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 03/7/2019: 657.430.000 đồng + 474.305.000 đồng = 1.131.735.000 đồng.

Trong quá trình này, Công ty TNHH T đã thanh toán số tiền 67.810.000 đồng (căn cứ Biên bản xác nhận công nợ ngày 04/11/2019), như vậy còn lại số tiền như sau: 1.131.735.000 đồng - 67.810.000 đồng = 1.063.925.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH T hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.063.925.000 đồng.

Về phía bị đơn là Công ty TNHH T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn Phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia xét xử, nhưng đại diện phía bị đơn không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng đã được Toà án tống đạt các thông báo và triệu tập thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hợp đồng và hóa đơn mua hàng đã có đủ cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn đã xác lập giao dịch dân sự về mua bán hàng hóa; trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện. Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại Phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh – Thương mại H có đơn khởi kiện Công ty TNHH T tranh chấp hợp đồng cung cấp mua bán hàng hóa, tại thời điểm thụ lý bị đơn có trụ sở tại Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1, Điều 30, điểm b, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn - Công ty TNHH T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại Phiên toà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. *Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh – Thương mại H số tiền gốc còn thiếu theo Hợp đồng ngày 02/01/2019 là 1.063.925.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ ý kiến trình bày của phía nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử và tài liệu chứng cứ đương sự giao nộp, thu thập trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa để thoả thuận việc Công ty T mua hàng của Công ty H. Xét Hợp đồng được xác lập giữa hai bên có hình thức và nội dung phù hợp quy định tại các Điều 24 Luật Thương mại nên phát sinh hiệu lực.

Ngày 04/6/2019, Công ty H và Công ty T xác nhận công nợ số tiền 579.880.000 đồng, nợ đầu kỳ giữa bên mua và bên bán là: 569.220.000 đồng.

Ngày 03/7/2019, Công ty H và Công ty T xác nhận công nợ số tiền 657.430.000 đồng.

Ngày 04/11/2019, Công ty H và Công ty T xác nhận công nợ số tiền 1.024.230.000 đồng, nợ đầu kỳ theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 03/7/2019 là 657.430.000 đồng, từ sau ngày 03/7/2019 phát sinh giao dịch với tổng giá trị 474.305.000 đồng theo các hóa đơn giá trị gia tăng sau : Số 0007528 ngày 04/07/2019, số 0007704 ngày 08/07/2019, 0007732 ngày 09/07/2019, 0007998 ngày 12/07/2019, 0008177 ngày 16/07/2019, 0015200 ngày 18/10/2019, 0015207 ngày 18/10/2019, 0015494 ngày 22/10/2019, 0015833 ngày 25/10/2019, 0016017 ngày 28/10/2019, 0016436 ngày 01/11/2019, 0017560 ngày 15/11/2019.

Các Bản đối chiếu công nợ giữa nguyên đơn và bị đơn có chữ ký và đóng dấu của hai công ty thể bị đơn cũng xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền như trong nội dung Bản đối chiếu công nợ đã ký.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 50 và khoản 1 Điều 55 của Luật Thương mại, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 1.063.925.000 đồng còn nợ của các hợp đồng nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 8 Điều 94, khoản 1 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh – Thương mại H.

Buộc Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh – Thương mại H nợ gốc còn thiếu theo Hợp đồng ngày 02/01/2019 là 1.063.925.000 đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh – Thương mại H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 của Luật Thương năm năm 2005.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 43.917.750 (Bốn mươi ba triệu chín trăm mười bảy nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh – Thương mại H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho TNHH Cơ Điện Lạnh – Thương mại H tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đã nộp là 21.363.450 (Hai mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0029024 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại Phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Phan Thị Thanh Nhàn